

Bản án số: **65/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Tịnh Thới**.

2. Ông **Châu Văn Nhâm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Diễm** - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần L**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh **Thạch T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần L trình bày: chị và anh Thạch T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống với nhau được thời gian đầu là hạnh phúc sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 2019 đến nay. Từ đó vợ chồng bỏ mặc nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Thạch Trần A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và cháu Thạch Trần L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2015, chị đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Thạch T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có lời khai.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần L đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn Thạch T đã không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần L. Cho chị Trần L được ly hôn với anh Thạch T; Về con chung: Giao cháu Thạch Trần A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và cháu Thạch Trần L, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2015 cho chị Trần L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tạm thời không yêu cầu anh T về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Thạch T, yêu cầu nuôi con chung, anh Thạch T có nơi cư trú tại ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần L có đơn xin vắng mặt, anh Thạch T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần L và anh Thạch T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X,

tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Chị Trần L yêu cầu được ly hôn với anh Thạch T do cuộc sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị L và anh T đã sống không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời khai, chứng tỏ anh T bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Chị L, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Trần L yêu cầu được nuôi con chung là cháu Thạch Trần A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và cháu Thạch Trần L ngày 15 tháng 11 năm 2015. Xét thấy chị L có đủ điều kiện nuôi con, anh T không có ý kiến tranh chấp nuôi con, cháu Thạch Trần A có nguyện vọng muốn ở với chị L nên giao các con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: chị Trần L không yêu cầu anh Thạch T cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần L khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh Thạch T không có lời khai nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Trần L khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, anh Thạch T không có lời khai nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần L là gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản Điều 28, Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Trần L.

1. Cho chị Trần L được ly hôn với anh Thạch T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Trần A, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2008 và Thạch Trần L ngày 15 tháng 11 năm 2015 cho chị Trần L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần L không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Anh Thạch T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của chị Trần L.

Khi cần thiết, anh Thạch T và chị Trần L được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần L và anh Thạch T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã Xuân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tiến